

Bản án số: **04/2019/KDTM-ST**

Ngày: 26-3-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà N.T.LL

2. Bà V.T.H

- Thư ký phiên tòa: Bà T.N.H.N – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà N.T.D.T – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST- KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: đường L, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội.

Liên hệ: đường P, Phường U, quận P, TP.HCM. Đại diện: Ông N.H.B.H – Văn bản ủy quyền số 12115/2018/AMC-PN ngày 04/6/2018(có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D.

Địa chỉ: đường H, Phường S, Quận Y, TPHCM.

Đại diện theo pháp luật: Ông V.Đ.D, chức danh: Chủ tịch công ty(vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông V.Đ.D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: đường H, Phường S, Quận Y, TPHCM.

Tạm trú: đường B, Phường O, Quận Y, TP.HCM(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2018, bản tự khai ngày 19/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do Ông N.H.B.H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ký kết hợp đồng tín dụng:

Giữa Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh S (sau đây viết tắt là Ngân hàng V) với Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D đã ký kết các hợp đồng như sau: Hợp

đồng cấp tín dụng nguyên tắc số: SME/SGN/17/0004/HDNT ngày 07/01/2017, Hợp đồng tín dụng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BILL-01 ngày 07/01/2017 và Phụ lục hợp đồng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BIL-01/PL01 ngày 07/01/2017, với các nội dung tóm tắt như sau:

Khế ước nhận nợ số	Số tiền vay (đồng)	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Mục đích vay
Lần : 01/số: SME/SGN/17/0004/HDT D-BILL-01	1.000.000.000	36 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 19,95%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần	09/01/2017	09/01/2020	Bổ sung vốn kinh doanh thanh toán tiền mua thép tấm

Kỳ trả nợ: Vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/01/2017, tổng cộng 36 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 27.777.778 đồng và lãi.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng V và các bên đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của Ông V.Đ.D theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0004/HDBL ngày 07/01/2017 được ký kết giữa Ông V.Đ.D, Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D và Ngân hàng V.

Thực hiện hợp đồng:

Ngày 09/01/2017, Ngân hàng V và bị đơn đã ký Khế ước nhận nợ (lần 1/số: SME/SGN/17/0004/HDTD-BIL-01), cùng ngày Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D theo Ủy nhiệm chi với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Trong quá trình thanh toán gốc và lãi theo các kỳ thì bị đơn đã thanh toán được 6 kỳ, với số nợ gốc là 183.826.032 đồng và lãi là 102.943.738 đồng, tổng cộng bị đơn đã thanh toán gốc và lãi là 286.769.770 đồng.

Vì phạm hợp đồng:

Kể từ ngày 25/7/2017, Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tạm tính đến hết ngày 19/3/2019, Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D còn nợ các khoản sau tại Ngân hàng V:

- Nợ gốc quá hạn : 816.173.968 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 408.995.823 đồng
- Phạt chậm trả lãi : 62.151.922 đồng
- **Tổng cộng : 1.287.321.713** (Một tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm mười ba) đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên:

1/ Buộc Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 19/3/2019 là:

- Nợ gốc quá hạn : 816.173.968 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 408.995.823 đồng (tính từ ngày 25/7/2017 đến ngày 19/3/2019)
- Phạt chậm trả lãi : 62.151.922 đồng (tính từ ngày 25/7/2017 đến ngày 19/3/2019)

- Tổng cộng : **1.287.321.713**(Một tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm mười ba) đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 20/3/2019, Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V.

2/ Trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D không thanh toán hoặc thanh toán không đủ theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên, Ông V.Đ.D phải liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông V.Đ.D vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:
Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số: SME/SGN/17/0004/HDNT ngày 07/01/2017, Hợp đồng tín dụng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BILL-01 ngày 07/01/2017 và Phụ lục hợp đồng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BIL-01/PL01 ngày 07/01/2017, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0004/HDBL ngày 07/01/2017 được ký kết giữa Ông V.Đ.D, Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D và Ngân hàng V, đã có đủ cơ sở xác định bị đơn đã vay vốn của nguyên đơn số tiền như nguyên đơn trình bày, sau khi vay vốn bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử là 1.287.321.713 đồng, nếu bị đơn không thanh toán hết nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo các Hợp đồng tín dụng. Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh, Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D có địa chỉ trụ sở tại đường H, Phường S, Quận Y, TP. HCM. Như vậy, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y là đúng theo quy định.

Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa vào các ngày 31/8/2018, 07/01/2019, 21/02/2019 và 19/3/2019 nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét các hợp đồng tín dụng nguyên tắc số: SME/SGN/17/0004/HDNT ngày 07/01/2017, Hợp đồng tín dụng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BILL-01 ngày 07/01/2017 và Phụ lục hợp đồng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BIL-01/PL01 ngày 07/01/2017:

Căn cứ hợp đồng tín dụng nguyên tắc số: SME/SGN/17/0004/HDNT ngày 07/01/2017, Hợp đồng tín dụng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BILL-01 ngày 07/01/2017 và Phụ lục hợp đồng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BIL-01/PL01 ngày 07/01/2017 với Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D để vay số tiền số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 36 tháng (ngày giải ngân 09/01/2017 đến ngày 09/01/2020), lãi suất vay 19,95%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Vào ngày 09/01/2017 bị đơn đã ký Giấy Khế ước nhận nợ (lần 1/số: SME/SGN/17/0004/HDTD-BIL-01), cùng ngày Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D theo Ủy nhiệm chi với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bị đơn đã thanh toán gốc và lãi được 6 kỳ tương đương với số nợ gốc là 183.826.032 đồng và lãi là 102.943.738 đồng, tổng cộng bị đơn đã thanh toán gốc và lãi là 286.769.770 đồng. Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định bị đơn có ký các hợp đồng tín dụng và vay số tiền như nguyên đơn đã trình bày.

Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ vay là 1.287.321.713 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 816.173.968 đồng, nợ lãi quá hạn 408.995.823 đồng và phạt chậm trả lãi 62.151.922 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 20/3/2019 cho đến khi bị đơn trả hết nợ với mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử xét: Căn cứ vào các Điều 2, 4, 6, 7, 9 của hợp đồng tín dụng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BILL-01 ngày 07/01/2017 về lãi suất, thời hạn và phương thức trả nợ, thu hồi nợ trước hạn, nợ quá hạn, nghĩa vụ của bên vay. Căn cứ khoản 2, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng về phần Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng quy định: “...*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất,...*”. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc và nợ lại là đúng theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu về lãi chậm trả: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “...*b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn*”. Nên yêu cầu của nguyên đơn về trả lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 20/3/2019 cho đến khi bị đơn trả hết nợ với mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thời hạn thanh toán. Hội đồng xét xử xét: Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: *“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*. Từ căn cứ trên nên yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp luật định.

[3] Xét hợp đồng bảo lãnh:

Xét Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0004/HDBL ngày 07/01/2017 được ký kết giữa Ông V.Đ.D, Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D và Ngân hàng V: Căn cứ vào Điều 335, Điều 336 và Điều 342 của Bộ luật dân sự quy định về bảo lãnh, phạm vi và trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh thì các bên đã tuân thủ đúng các quy định về hình thức, nội dung của hợp đồng bảo lãnh. Căn cứ vào khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh về Nghĩa vụ của bên bảo lãnh quy định: *“...Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh với bên ngân hàng...”*.

Nghĩa vụ được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh được quy định tại khoản 1 Điều 1 của hợp đồng bảo lãnh là: *“Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ hợp đồng tín dụng nguyên tắc số: SME/SGN/17/0004/HDNT ngày 07/01/2017 và các hợp đồng...”*.

Nên yêu cầu của nguyên đơn là trong trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D không thanh toán hoặc thanh toán không hết toàn bộ nợ, thì Ông V.Đ.D phải liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký là có cơ sở chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 335, Điều 336 và Điều 342 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Buộc Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nguyên tắc số: SME/SGN/17/0004/HDNT ngày 07/01/2017, Hợp đồng tín dụng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BILL-01 ngày 07/01/2017 và Phụ lục hợp đồng số SME/SGN/17/0004/HDTD-BIL-01/PL01 ngày 07/01/2017 với Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử là: **1.287.321.713**(một tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm mười ba) đồng, trong đó:

- Nợ gốc quá hạn : 816.173.968 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 408.995.823 đồng (tính từ ngày 25/7/2017 đến ngày 19/3/2019)
- Phạt chậm trả lãi : 62.151.922 đồng (tính từ ngày 25/7/2017 đến ngày 19/3/2019)

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D không trả hết nợ, thì Ngân hàng TMCP V có quyền nộp đơn yêu cầu Thi hành án.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D không thanh toán đầy đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng TMCP V thì Ông V.Đ.D phải liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại D phải chịu án phí là: 50.619.651 đồng.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 21.396.307 đồng, theo biên lai thu số AA/2016/0029430 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y.

4/ Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang